

NỘI DUNG ÔN TẬP GHKI 2021-2022 TIN 12

Bài 1 đến bài 5

Bài 1: Một số khái niệm cơ bản

Phân nhận biết:

Câu 1: Khẳng định nào sau đây **ĐÚNG**?

“Cơ sở dữ liệu (CSDL) là tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau, chứa thông tin của một tổ chức nào đó, được lưu trữ trên để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của ...”

Hãy chọn phương án đúng trong các phương án sau đây để chọn cặp từ cần điền vào chỗ ba chấm (...) tương ứng.

A. Thiết bị nhớ, một người.

B. Thiết bị nhớ, nhiều người.

C. Hồ sơ - sổ sách, một người.

D. Hồ sơ - sổ sách, nhiều người.

Câu 2: Cơ sở dữ liệu (CSDL) là :

A. Tập hợp dữ liệu chứa đựng các kiểu dữ liệu: ký tự, số, ngày/giờ, hình ảnh... của một chủ thể nào đó.

B. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được ghi lên giấy.

C. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên máy tính điện tử để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

D. Tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được lưu trên giấy để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

Câu 3: Phương tiện nào dưới đây lưu trữ dữ liệu của một CSDL?

A. Bộ nhớ RAM

B. Bộ nhớ ROM

C. Bộ nhớ ngoài

D. Hồ sơ – sổ sách

Câu 4: Trong học tập và đời sống, CSDL giữ vai trò như thế nào?

A. Cung cấp môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác thông tin

B. Lưu trữ, xử lý thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu khai thác của nhiều người dùng với nhiều mục đích khác nhau

C. Quản lý các tài nguyên, cấp phát các quyền truy cập, cấp phần mềm và phần cứng theo yêu cầu, duy trì các hoạt động của hệ thống đảm bảo thỏa mãn yêu cầu của trình ứng dụng và người dùng

D. Tạo ra các chương trình ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác của các nhóm người dùng

Câu 5: Công việc thường gặp khi xử lý thông tin của một tổ chức là gì?

A. Tạo lập hồ sơ

B. Cập nhật hồ sơ

C. Khai thác hồ sơ

D. Tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ

Câu 6: Việc lưu trữ dữ liệu đầy đủ và hợp lý sẽ:

- A. Hỗ trợ thống kê, báo cáo, tổng hợp số liệu.
- B. Hỗ trợ ra quyết định
- C. Cả A và B đều đúng**
- D. Cả A và B đều sai.

Câu 7: Dữ liệu trong một CSDL được lưu trong:

- A. Bộ nhớ RAM
- B. Bộ nhớ ROM
- C. Các thiết bị vật lý
- D. Bộ nhớ ngoài**

Câu 8: Hệ quản trị CSDL là:

- A. Phần mềm dùng tạo lập, cập nhật, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL**
- B. Phần mềm dùng tạo lập, lưu trữ một CSDL
- C. Phần mềm để thao tác và xử lý các đối tượng trong CSDL
- D. Phần mềm dùng tạo lập CSDL

Câu 9: Một Hệ CSDL gồm:

- A. CSDL và các thiết bị vật lý.
- B. Các phần mềm ứng dụng và CSDL.
- C. Hệ QTCSDL và các thiết bị vật lý.
- D. CSDL và hệ quản trị CSDL và khai thác CSDL đó.**

Câu 10: Sau khi thực hiện tìm kiếm thông tin trong một tệp hồ sơ học sinh, khẳng định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Trình tự các hồ sơ trong tệp không thay đổi**
- B. Tệp hồ sơ có thể xuất hiện những hồ sơ mới
- C. Trình tự các hồ sơ trong tệp không thay đổi, nhưng những thông tin tìm thấy đã được lấy ra nên không còn trong những hồ sơ tương ứng
- D. Những hồ sơ tìm được sẽ không còn trên tệp vì người ta đã lấy thông tin ra

Phần thông hiểu

Câu 11: Em hiểu như thế nào về cụm từ “Hệ quản trị cơ sở dữ liệu” ?

- A. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại thiết bị hỗ trợ màn hình máy tính
- B. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại thiết bị hỗ trợ mạng máy tính
- C. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại dữ liệu được lưu trữ trên máy tính
- D. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu là một loại phần mềm máy tính**

Câu 12: Để mở một CSDL đã có ta thực hiện:

- A. Chọn File, chọn Open
- B. Chọn File, chọn Open, chọn tên tệp, chọn OK**
- C. Chọn File, chọn Open, chọn Database, chọn Open
- D. Chọn Database, chọn Open, chọn tên tệp, chọn OK

Bài 2: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Phân nhận biết:

Câu 1: Một hệ quản trị CSDL không có chức năng nào trong các chức năng dưới đây?

- A. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL
- B. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu
- C. Cung cấp công cụ quản lý bộ nhớ
- D. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL.

Hiển thị đáp án

Câu 2: Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu thật chất là:

- A. Ngôn ngữ lập trình Pascal
- B. Ngôn ngữ C
- C. Các kí hiệu toán học dùng để thực hiện các tính toán
- D. Hệ thống các kí hiệu để mô tả CSDL.

Câu 3: Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép:

- A. Đảm bảo tính độc lập dữ liệu
- B. Khai báo kiểu dữ liệu, cấu trúc dữ liệu và các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- C. Mô tả các đối tượng được lưu trữ trong CSDL
- D. Khai báo kiểu dữ liệu của CSDL

Câu 4: Ngôn ngữ thao tác dữ liệu thật chất là:

- A. Ngôn ngữ để người dùng diễn tả yêu cầu cập nhật hay khai thác thông tin
- B. Ngôn ngữ để người dùng diễn tả yêu cầu cập nhật thông tin
- C. Ngôn ngữ SQL
- D. Ngôn ngữ bậc cao

Câu 5: Ngôn ngữ thao tác dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép:

- A. Nhập, sửa, xóa dữ liệu
- B. Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- C. Khai thác dữ liệu như: tìm kiếm, sắp xếp, kết xuất báo cáo...
- D. Câu A và C

Câu 6: Ngôn ngữ CSDL được sử dụng phổ biến hiện nay là:

- A. SQL
- B. Access
- C. Foxpro
- D. Java

Câu 7: Những nhiệm vụ nào dưới đây không thuộc nhiệm vụ của công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL?

- A. Duy trì tính nhất quán của CSDL
- B. Cập nhật (thêm, sửa, xóa dữ liệu)
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố
- D. Phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép

Câu 8: Hệ QT CSDL có các chương trình thực hiện những nhiệm vụ:

- A. Phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép, tổ chức và điều khiển các truy cập đồng thời
- B. Duy trì tính nhất quán của dữ liệu, quản lý các mô tả dữ liệu
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố ở phần cứng hay phần mềm

D. Cả 3 đáp án A, B và C

Câu 9: Người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?

A. Người dùng

B. Người lập trình ứng dụng

C. Người QT CSDL

D. Cả ba người trên

Câu 10: Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề phân quyền hạn truy cập sử dụng CSDL?

A. Người lập trình B. Người dùng

C. Người quản trị D. Người quản trị CSDL

Câu 11: Một trong những vai trò của người quản trị cơ sở dữ liệu (CSDL) là:

A. Người chịu trách nhiệm quản lý các tài nguyên

B. Người có nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL

C. Người có nhiệm vụ xây dựng các chương trình ứng dụng

D. Người có quyền truy cập và khai thác CSDL

Câu 12: Các bước để xây dựng CSDL:

A. Khảo sát, thiết kế, kiểm thử

B. Khảo sát, cập nhật, khai thác

C. Tạo lập, cập nhật, khai thác

D. Tạo lập, lưu trữ, khai thác

Phần thông hiểu

Câu 12: Câu nào trong các câu dưới đây không thuộc bước Khảo sát:

A. Lựa chọn hệ QTCSDL

B. Tìm hiểu các yêu cầu của công tác quản lý

C. Xác định khả năng phần mềm, phần cứng có thể khai thác, sử dụng

D. Phân tích các chức năng cần có của hệ thống khai thác thông tin

Câu 13: Chọn câu ĐÚNG trong các câu sau:

A. Máy tính điện tử ra đời trước CSDL và Hệ quản trị CSDL

B. Máy tính điện tử ra đời sau CSDL và Hệ quản trị CSDL

C. Hệ quản trị CSDL ra đời trước máy tính điện tử và CSDL

D. Hệ quản trị CSDL, máy tính điện tử và CSDL cùng ra đời cùng một thời điểm

Bài 3: Giới thiệu Microsoft Access

Phần nhận biết:

Câu 1: Access là gì?

- A. Là phần mềm ứng dụng
- B. Là hệ QTCSDL do hãng Microsoft sản xuất
- C. Là phần cứng
- D. Cả A và B**

Câu 2: Access là hệ QT CSDL dành cho:

- A. Máy tính cá nhân
- B. Các mạng máy tính trong mạng toàn cầu
- C. Các máy tính chạy trong mạng cục bộ
- D. Cả A và C**

Câu 3: Các chức năng chính của Access?

- A. Lập bảng
- B. Tính toán và khai thác dữ liệu
- C. Lưu trữ dữ liệu
- D. Ba câu trên đều đúng

Câu 4: Các đối tượng cơ bản trong Access là:

- A. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Mẫu hỏi
- B. Bảng, Macro, Biểu mẫu, Báo cáo
- C. Bảng, Mẫu hỏi, Biểu mẫu, Báo cáo**
- D. Bảng, Macro, Môđun, Báo cáo

Câu 5: Chọn câu sai trong các câu sau:

- A. Access có khả năng cung cấp công cụ tạo lập CSDL
- B. Access không hỗ trợ lưu trữ CSDL trên các thiết bị nhớ.**
- C. Access cho phép cập nhật dữ liệu, tạo báo cáo, thống kê, tổng hợp.
- D. CSDL xây dựng trong Access gồm các bảng và liên kết giữa các bảng.

Câu 6: Để định dạng, tính toán, tổng hợp và in dữ liệu, ta dùng:

- A. Table B. Form C. Query **D. Report**

Phần thông hiểu

Câu 7: Hãy sắp xếp các bước sau để được một thao tác đúng khi tạo một CSDL mới?

- (1) Chọn nút Create
- (2) Chọn File -> New
- (3) Nhập tên cơ sở dữ liệu
- (4) Chọn Blank Database
- A. (2) → (4) → (3) → (1)**

B. (2) → (1) → (3) → (4)

C. (1) → (2) → (3) → (4)

D. (1) → (3) → (4) → (2)

Câu 8: Để khởi động Access, ta thực hiện:

A. Nháy đúp vào biểu tượng Access  trên màn hình nền

B. Nháy vào biểu tượng Access  trên màn hình nền

C. Start → All Programs → Microsoft Office → Microsoft Access

D. A hoặc C

Câu 9: Trong Access, để mở CSDL đã lưu, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. File/new/Blank Database

B. Create table by using wizard

C. File/open/<tên tệp>

D. Create Table in Design View

Câu 10: Kết thúc phiên làm việc với Access bằng cách thực hiện thao tác:

A. File/Close

B. Nháy vào nút (X) nằm ở góc trên bên phải màn hình làm việc của Access

C. File/Exit

D. Câu B hoặc C

Bài 4: Cấu trúc bảng

Phân nhận biết:

Câu 1: Thành phần cơ sở của Access là:

A. Table B. Field C. Record D. Field name

Câu 2: Trong các phát biểu sau, phát biểu nào sai?

A. Trường (field): bản chất là cột của bảng, thể hiện thuộc tính của chủ thể cần quản lý

B. Bản ghi (record): bản chất là hàng của bảng, gồm dữ liệu về các thuộc tính của chủ thể được quản lý

C. Kiểu dữ liệu (Data Type): là kiểu của dữ liệu lưu trong một trường

D. Một trường có thể có nhiều kiểu dữ liệu

Câu 3: Trong Access, khi nhập dữ liệu cho bảng, giá trị của field GIOI_TINH là True.

Khi đó field GIOI_TINH được xác định kiểu dữ liệu gì ?

A. Yes/No B. Boolean C. True/False D. Date/Time

Câu 4: Khi chọn kiểu dữ liệu cho trường THÀNH_TIỀN (bắt buộc kèm theo đơn vị tiền tệ), phải chọn loại nào?

A. Number **B. Currency** C. Text D. Date/time

Câu 5: Chọn kiểu dữ liệu nào cho trường điểm “Tóan”, “Lý”,...

A. AutoNumber B. Yes/No **C. Number** D. Currency

Câu 6: Phát biểu nào sau đây là SAI?

- A. Phân định nghĩa trường gồm có: tên trường, kiểu dữ liệu và mô tả trường
- B. Mô tả nội dung của trường (Description) bắt buộc phải có**
- C. Cấu trúc của bảng được thể hiện bởi các trường
- D. Mỗi trường có tên trường, kiểu dữ liệu, mô tả trường và các tính chất của trường

Câu 7: Một bảng có thể có tối đa bao nhiêu trường

- A. 255**
- B. 552
- C. 525
- D. Chỉ bị giới hạn bởi bộ nhớ

Câu 8: Thành phần cơ sở của Access là:

- A. Table**
- B. Field
- C. Record
- D. Field name

Phần thông hiểu

Câu 9: Để mở một bảng ở chế độ thiết kế, ta chọn bảng đó rồi:

- A. Click vào nút **
- B. Bấm Enter
- C. Click vào nút 
- D. Click vào nút 

Câu 10: Trong Access khi ta nhập dữ liệu cho trường “Ghi chú” trong CSDL (dữ liệu kiểu văn bản) mà nhiều hơn 255 ký tự thì ta cần phải định nghĩa trường đó theo kiểu nào?

- A. Text
- B. Currency
- C. Longint
- D. Memo**

Câu 11: Trong cửa sổ CSDL đang làm việc, để tạo cấu trúc bảng trong chế độ thiết kế, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

- A. Nháy nút  , rồi nháy đúp Design View
- B. Nhấp đúp <tên bảng>
- C. Nháy đúp vào Create Table in Design View
- D. A hoặc C**

Câu 12: Để chỉ định khóa chính cho một bảng, sau khi chọn trường, ta thực hiện:

- A. Edit → Primary key
- B. Nháy nút 
- C. A và B
- D. A hoặc B**

Câu 13: Trong Access, muốn nhập dữ liệu vào cho một bảng, ta thực hiện :

- A. Nhập trực tiếp trong chế độ trang dữ liệu
- B. Nháy đúp trái chuột lên tên bảng cần nhập dữ liệu

C. Dùng biểu mẫu

D. A hoặc B hoặc C

Câu 14: Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, muốn xóa trường đã chọn, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là **ĐÚNG**?

A. Không thực hiện được

B. Edit/Delete Field

C. Edit/Delete Rows

D. Insert/Rows

Bài 5: Các thao tác cơ bản trên bảng

Phân nhận biết:

Câu 1: Cập nhật dữ liệu là:

A. Thay đổi dữ liệu trong các bảng

B. Thay đổi dữ liệu trong các bảng gồm: thêm bản ghi mới, chỉnh sửa, xóa bản ghi

C. Thay đổi cấu trúc của bảng

D. Thay đổi cách hiển thị dữ liệu trong bảng

Câu 2: Trong khi nhập dữ liệu cho bảng, muốn chèn thêm một bản ghi mới, ta thực hiện :
Insert →

A. Record

B. New Rows

C. Rows

D. New Record

Câu 3: Để xóa một bản ghi ta thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Chọn Insert → Delete Record rồi chọn Yes.

B. Nháy  trên thanh công cụ rồi chọn Yes.

C. Nháy  trên thanh công cụ rồi chọn Yes.

D. Cả A và B đều đúng.

Câu 4: Để sắp xếp dữ liệu trường nào đó giảm dần ta chọn biểu tượng nào sau đây?

A. Biểu tượng 

B. Biểu tượng 

C. Biểu tượng 

D. Biểu tượng 

Câu 5: Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, với một trường đã chọn, muốn sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là đúng?

A. Record/Sort/Sort Descending

B. Insert/New Record

C. Edit/ Sort Ascending

D. Record/Sort/Sort Ascending

Câu 6: Khẳng định nào sau đây là sai?

A. Lọc là một công cụ của hệ QT CSDL cho phép tìm ra những bản ghi thỏa mãn một số điều kiện nào đó phục vụ tìm kiếm

B. Lọc tìm được các bản ghi trong nhiều bảng thỏa mãn với điều kiện lọc

C. Sử dụng lọc theo ô dữ liệu đang chọn để tìm nhanh các bản ghi có dữ liệu trùng với ô đang chọn

D. Sử dụng lọc theo mẫu để tìm các bản ghi thỏa mãn các tiêu chí phức tạp

Phần thông hiểu

Câu 7: Cho các thao tác sau:

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Chọn ô có dữ liệu cần lọc

Trình tự các thao tác để thực hiện được việc lọc theo ô dữ liệu đang chọn là:

A. (3) → (1) → (2)

B. (3) → (2) → (1)

C. (3) → (1)

D. (3) → (2)

Câu 8: Cho các thao tác sau:

(1) Nháy nút 

(2) Nháy nút 

(3) Nhập điều kiện lọc vào từng trường tương ứng theo mẫu

Trình tự các thao tác để thực hiện được việc lọc theo mẫu là:

A. (2) → (3) → (1)

B. (3) → (2) → (1)

C. (1) → (2) → (3)

D. (1) → (3) → (2)

Câu 9: Để lọc ra danh sách học sinh “Nam” trong lớp, ta thực hiện:

A. Trên trường (Giới Tính) ta nháy nút 

B. Nháy nút , rồi gõ vào chữ (“Nam”) trên trường (Giới Tính), sau đó nháy nút 

C. Trên trường (Giới Tính) ta click chuột vào một ô có giá trị là (Nam), rồi nháy nút 

D. Cả B và C đều đúng

Câu 10: Trong Access, muốn in dữ liệu ra giấy, ta thực hiện

A. Edit – Print **B. File – Print** C. Windows – Print D. Tools – Print

Câu 11: Khi nào thì có thể nhập dữ liệu vào bảng?

- A. Ngay sau khi CSDL được tạo ra
- B. Bất cứ khi nào có dữ liệu
- C. Bất cứ lúc nào cần cập nhật dữ liệu

D. Sau khi bảng đã được tạo xong trong CSDL

Câu 12: Bảng đã được hiển thị ở chế độ trang dữ liệu, với một trường đã chọn, muốn sắp xếp các bản ghi theo thứ tự tăng, thao tác thực hiện lệnh nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Record/Sort/Sort Descending
- B. Insert/New Record
- C. Edit/ Sort Ascending

D. Record/Sort/Sort Ascending